

Số: 26 /2018/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 01 tháng 11 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành quy định phạm vi vùng phụ cận và các trường hợp cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đối với công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;*

*Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều Luật Thủy lợi;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 205/TTr-SNN ngày 26 tháng 10 năm 2018.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phạm vi vùng phụ cận và các trường hợp cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đối với công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2018 và thay thế Quyết định số 14/2005/QĐ-UBND ngày 31/01/2005 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Quy định cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Chủ tịch Công ty TNHH MTV



Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đắk Nông và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./ nr2

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ NN và PTNT;
- Cục Kiểm tra Văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- Báo Đắk Nông;
- Đài Phát thanh và Truyền hình Đắk Nông;
- Công báo tỉnh;
- Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KTKH, CTTĐT, NN (H).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trương Thanh Tùng**

## **QUY ĐỊNH**

**Phạm vi vùng phụ cận và các trường hợp cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ  
đối với công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **26** /2018/QĐ-UBND ngày **01** tháng **11** năm  
2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

### **Chương I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

###### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định cụ thể về phạm vi vùng phụ cận và các trường hợp cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đối với các công trình thủy lợi theo quy định tại Khoản 7 Điều 40 Luật Thủy lợi và Khoản 5 Điều 19 Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

###### **2. Đối tượng áp dụng**

Các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

##### **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. Công trình thủy lợi được quy định tại Quy định này bao gồm: Đập tràn, kênh chìm, kênh nổi, trạm bơm, kè, ống dẫn nước.

2. Đập tràn: Là một vật kiến trúc ngăn một dòng chảy không áp làm cho dòng chảy tràn qua đỉnh.

3. Kênh chìm: Là kênh có mặt cắt ngang kênh theo thiết kế đào hoàn toàn trong nền đất tự nhiên. Kênh chìm phải có nơi để làm bể lắng bùn cát phục vụ nạo vét.

4. Kênh nổi: Là kênh có mặt cắt ngang kênh theo thiết kế đắp nổi trên nền đất tự nhiên hoặc nửa đào, nửa đắp.

5. Công trình trên kênh: Là công trình như cống tưới, cầu máng, xi phông,...

6. Trạm bơm: Là tập hợp các công trình và các thiết bị bơm tạo thành.

7. Kè: Là dạng công trình bảo vệ bờ sông, bờ suối, bờ hồ khỏi tác động xói lở gây ra bởi dòng chảy và sóng.



8. Vùng phụ cận: Là vùng không gian theo phương ngang và phương thẳng đứng bao quanh công trình thủy lợi, phục vụ cho công tác quản lý khai thác công trình. Vùng phụ cận còn được gọi là hành lang bảo vệ công trình.

## Chương II

### QUY ĐỊNH CỤ THỂ

#### Điều 3. Phạm vi vùng phụ cận

1. Trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, việc sử dụng đất phải bảo đảm không gây cản trở cho việc vận hành và bảo đảm an toàn công trình; phải có đường giao thông để quan trắc, theo dõi, quản lý và có mặt bằng để sửa chữa, khắc phục và xử lý khi công trình xảy ra sự cố.

2. Phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đắk Nông được quy định như sau:

a) Đối với đập tràn, vùng phụ cận bao gồm vùng phụ cận của đập và vùng phụ cận của lòng hồ chứa nước phía thượng lưu đập được quy định như sau:

- Vùng phụ cận của đập có phạm vi tính từ sát biên ngoài phần xây đúc thượng, hạ lưu đập và hai vai đập trở ra, đối với đập cấp IV tối thiểu là 20m.

- Vùng phụ cận của lòng hồ chứa nước phía thượng lưu đập được tính từ đường biên có cao trình bằng cao trình mực nước lũ kiểm tra trở xuống phía lòng hồ.

b) Đối với kênh và công trình trên kênh:

- Kênh nổi có lưu lượng nhỏ hơn  $1,0\text{m}^3/\text{s}$ , phạm vi vùng phụ cận tính từ chân mái ngoài của kênh trở ra là 1,5m; lưu lượng từ  $1,0\text{m}^3/\text{s}$  đến nhỏ hơn  $2,0\text{m}^3/\text{s}$ , phạm vi vùng phụ cận tính từ chân mái ngoài của kênh trở ra là 2,0m.

- Kênh chìm có lưu lượng nhỏ hơn  $1,0\text{m}^3/\text{s}$ , phạm vi vùng phụ cận tính từ điểm giao mái của kênh với mặt đất tự nhiên trở ra là 2m; lưu lượng từ  $1,0\text{m}^3/\text{s}$  đến nhỏ hơn  $2,0\text{m}^3/\text{s}$ , phạm vi vùng phụ cận tính từ điểm giao mái của kênh với mặt đất tự nhiên trở ra là 3m.

- Đối với kênh là đường ống dẫn nước: Phạm vi bảo vệ là 2m tính từ mép ngoài cùng của đường ống.

- Đối với những đoạn kênh, tuyến kênh có bờ kết hợp làm đường giao thông, phạm vi vùng phụ cận ngoài việc đảm bảo theo quy định nêu trên còn phải phù hợp với quy định về hành lang bảo vệ công trình giao thông.

- Đối với kênh đi dưới đường dây tải điện hoặc đi song song trong phạm vi hành lang bảo vệ đường dây tải điện, phạm vi vùng phụ cận ngoài việc đảm bảo theo quy định trên, còn phải phù hợp với quy định về hành lang bảo vệ đường dây tải điện.

- Đối với công trình trên kênh: Phạm vi vùng phụ cận tính từ mép ngoài của phần xây đúc trở ra 1,5m.

c) Đối với trạm bơm:

- Đối với trạm bơm hiện có: Phạm vi bảo vệ bao gồm toàn bộ diện tích đất được nhà nước giao khi xây dựng và đưa công trình vào sử dụng, được xác định bởi các mốc giới hoặc hàng rào bảo vệ công trình.

- Đối với trạm bơm làm mới: Tùy theo quy mô thiết kế nhà máy trạm bơm, hành lang bảo vệ công trình đầu mối phải đảm bảo cho công tác quản lý, sửa chữa công trình khi xảy ra sự cố (nếu có) và phải có hàng rào bảo vệ.

- Đối với trạm bơm có ống hút đặt tại sông, suối: Ngoài phạm vi bảo vệ công trình quy định nêu trên, phạm vi bảo vệ trên sông phải cách điểm cuối ống hút tối thiểu 100m cả về phía thượng, hạ lưu sông.

d) Đối với kè bảo vệ bờ: Phạm vi vùng phụ cận tính từ đỉnh phần xây đúc ngoài cùng trở ra là 5m.

3. Phạm vi bảo vệ của những công trình thủy lợi không có trong Quy định này phải tuân theo Điều 40 của Luật Thủy lợi và các quy định pháp luật khác có liên quan.

#### **Điều 4. Cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi**

1. Đối với các công trình thủy lợi xây dựng mới hoặc đang lập dự án đầu tư: Chủ đầu tư xây dựng công trình phải thực hiện cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi và bàn giao lại cho tổ chức, cá nhân quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi khi công trình hoàn thành đưa vào sử dụng. Kinh phí cấm mốc được đưa vào dự toán chi phí xây dựng công trình.

2. Đối với các công trình thủy lợi đã đưa vào khai thác trước khi Quy định này có hiệu lực mà chưa cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi sẽ do tổ chức, cá nhân quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi thực hiện.

3. Các công trình, hạng mục công trình phải cấm mốc chỉ giới và khoảng cách giữa các mốc

Ngoài các trường hợp phải cấm mốc chỉ giới quy định tại Điều 19 Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phải thực hiện cấm mốc chỉ giới đối với công trình, hạng mục công trình sau:

a) Đối với đập cửa hồ chứa nước, đập tràn có dung tích dưới  $500.000\text{m}^3$  hoặc đập có chiều cao dưới 10m: Căn cứ vào địa hình khu vực cấm mốc và yêu cầu quản lý, khoảng cách giữa hai mốc liền nhau là 100m; trường hợp gần khu đô thị, khu dân cư tập trung là 50m.

b) Lòng hồ chứa nước có dung tích dưới  $500.000\text{m}^3$ : căn cứ vào địa hình khu vực cấm mốc và yêu cầu quản lý, cấm mốc theo đường biên (tại các điểm chuyển hướng) có cao trình bằng cao trình đỉnh đập, khoảng cách 2 mốc liền nhau từ 200m đến 500m, khu vực lòng hồ có độ dốc lớn hoặc không có dân cư sinh sống khoảng cách giữa 2 mốc liền nhau lớn hơn 1000m.



c) Lòng hồ chứa nước được tạo bởi đập tràn: Căn cứ vào địa hình khu vực cấm mốc và yêu cầu quản lý, cấm mốc theo đường biên (tại các điểm chuyển hướng) có cao trình bằng cao trình mực nước lũ kiểm tra, khoảng cách 2 mốc liền nhau từ 200m đến 500m, khu vực lòng hồ có độ dốc lớn hoặc không có dân cư sinh sống khoảng cách giữa 2 mốc liền nhau lớn hơn 1000m.

d) Đối với kè bờ: Căn cứ vào địa hình khu vực cấm mốc và yêu cầu quản lý, khoảng cách giữa 2 mốc liền nhau từ 200m đến 300m, trường hợp gần khu đô thị, dân cư tập trung từ 100m đến 150m. Trường hợp kè bờ có kết nối với hệ thống cơ sở hạ tầng khác, nếu phạm vi vùng phụ cận nằm trong hệ thống cơ sở hạ tầng khác thì không phải cấm mốc chỉ giới.

đ) Đối với trạm bơm: Trường hợp chưa xây dựng được hàng rào bảo vệ thì cấm mốc tại các điểm góc theo phạm vi đất được thu hồi; trường hợp đã xây hàng rào bảo vệ thì không phải cấm mốc.

e) Kênh nổi có lưu lượng từ  $5\text{m}^3/\text{s}$  trở xuống hoặc chiều rộng đáy kênh từ 5m trở xuống: Căn cứ vào địa hình khu vực cấm mốc và yêu cầu quản lý, khoảng cách 2 mốc liền nhau từ 200m đến 250m (kênh đi qua đô thị, khu dân cư tập trung) và 400m đến 500m (kênh không đi qua đô thị, khu dân cư tập trung).

g) Kênh chìm và đường ống dẫn nước: Căn cứ vào địa hình khu vực cấm mốc và yêu cầu quản lý, khoảng cách 2 mốc liền nhau từ 150m đến 200m (kênh đi qua đô thị, khu dân cư tập trung) và 300m đến 400m (kênh không đi qua đô thị, khu dân cư tập trung).

h) Cổng có tổng chiều rộng thoát nước dưới 5m: Căn cứ vào địa hình khu vực cấm mốc và yêu cầu quản lý, khoảng cách 2 mốc liền nhau từ 5m đến 10m (cổng nằm trong khu đô thị, khu dân cư tập trung) và 10m đến 20m (cổng nằm ngoài khu đô thị, khu dân cư tập trung). Tại các điểm góc của đường chỉ giới phải có mốc.

#### **Điều 5. Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi**

Việc cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi được thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 3 Quy định này và các Điều 13 đến Điều 35 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ. Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

#### **Điều 6. Xử lý công trình hiện có trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi**

Nhà ở, công trình xây dựng và vật kiến trúc nằm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi ngoài việc phải thực hiện theo Điều 48 Luật Thủy lợi, phải thực hiện các nội dung sau:

1. Đất trong phạm vi vùng phụ cận đã bồi thường, giải tỏa hoặc đất do người dân hiến để xây dựng công trình phải được thu hồi và giao quyền sử dụng



đất cho tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình để quản lý, sử dụng đúng quy định.

2. Đối với tổ chức, cá nhân sử dụng đất được pháp luật thừa nhận mà đất đó nằm trong phạm vi vùng phụ cận thì được tiếp tục sử dụng đất theo đúng mục đích đã được xác định và không gây cản trở cho việc bảo vệ an toàn công trình.

Trường hợp việc sử dụng đất gây ảnh hưởng đến việc bảo vệ an toàn công trình thì chủ công trình và tổ chức, cá nhân sử dụng đất phải có biện pháp khắc phục, nếu không khắc phục được thì Nhà nước thu hồi đất và bồi thường theo quy định của pháp luật.

### **Chương III**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 7. Trách nhiệm của các Sở, ngành; UBND các huyện, thị xã; UBND cấp xã; tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình thủy lợi**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chủ trì, tổ chức hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến công trình thủy lợi thực hiện Quy định này.

b) Hướng dẫn Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đắk Nông, các tổ chức hợp tác dùng nước, các địa phương, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình; tuyên truyền, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện quy định.

c) Thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi, phương án cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; tiếp nhận hồ sơ và tham mưu UBND tỉnh cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép đối với các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

d) Tổ chức thanh tra chuyên ngành về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc giám sát, thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì, thẩm định nhu cầu sử dụng đất để thu hồi đất, giao đất trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Phối hợp với UBND các huyện, thị xã và các cơ quan có liên quan thực hiện việc quản lý và sử dụng đất trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường theo đúng cam kết đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### 3. Sở Giao thông Vận tải:

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, UBND các huyện, thị xã trong việc quy hoạch mạng lưới giao thông đường thủy, giao thông đường bộ; xác định lộ giới, phạm vi vùng bảo vệ công trình thủy lợi có kết hợp đường giao thông, thực hiện cắm biển báo, chỉ giới đảm bảo an toàn giao thông theo quy định hiện hành.

4. Sở Tài chính: Tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí hỗ trợ, bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định hiện hành.

### 5. Các Sở, ngành có liên quan:

Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thị xã, các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi thực hiện Quy định này.

### 6. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã:

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc thực hiện Quy định này.

b) Tuyên truyền, phổ biến, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy định này trên địa bàn; chỉ đạo UBND cấp xã, các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý khai thác công trình thủy lợi, các đơn vị có liên quan trên địa bàn thực hiện Quy định này.

c) Thực hiện bảo vệ công trình thủy lợi tại địa phương theo quy định của pháp luật. Xử lý các hành vi vi phạm hành lang bảo vệ công trình thủy lợi theo thẩm quyền.

d) Tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, giao đất theo quy định pháp luật.

### 7. UBND xã, phường, thị trấn:

a) Tuyên truyền, phổ biến Quy định này tại địa phương.

b) Thực hiện bảo vệ công trình thủy lợi tại địa phương theo quy định của pháp luật. Phối hợp với các đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn cắm mốc và quản lý mốc giới bảo vệ công trình khi được bàn giao.

c) Chủ động phối hợp với Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đắk Nông và các đơn vị có liên quan trong việc rà soát hiện trạng sử dụng đất trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

d) Kịp thời xử lý những hành vi lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang bảo vệ công trình trên địa bàn theo thẩm quyền. Trường hợp vượt thẩm quyền xử lý thì phải báo cáo cấp có thẩm quyền để xử lý.

### 8. Các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý khai thác công trình thủy lợi:

a) Lập, trình thẩm định, phê duyệt phương án bảo vệ công trình theo đúng quy định tại Điều 41 Luật Thủy lợi và các quy định khác có liên quan.



b) Tổ chức cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình; trực tiếp quản lý các mốc chỉ giới, kinh phí cho việc cắm mốc được lấy từ nguồn hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và các nguồn khác của đơn vị.

c) Chủ trì, phối hợp với UBND cấp xã, Phòng Tài nguyên và Môi trường nơi có công trình rà soát hiện trạng sử dụng đất trong hành lang bảo vệ công trình, kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định hiện hành.

d) Lập và bàn giao hồ sơ quản lý phạm vi bảo vệ công trình cho UBND cấp xã để phối hợp quản lý.

đ) Chịu trách nhiệm chính trong việc bảo vệ an toàn công trình thủy lợi, quản lý hành lang, mốc giới bảo vệ công trình. Trường hợp hành lang bảo vệ công trình bị lấn chiếm, sử dụng trái phép thì phải có biện pháp ngăn chặn kịp thời và báo cáo, kiến nghị UBND cấp xã nơi có hành lang bị vi phạm để phối hợp, xử lý.

e) Thực hiện chế độ tổng hợp, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình vi phạm lấn chiếm hành lang bảo vệ công trình thủy lợi với cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương.

g) Thường xuyên kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm; phối hợp các Sở, Ban, ngành, UBND các cấp tổ chức tuyên truyền việc thực hiện Quy định này trên địa bàn.

h) Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung đã cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xác nhận.

### **Điều 8. Điều khoản thi hành**

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, các đơn vị có liên quan hướng dẫn tổ chức triển khai việc thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các Sở, Ban, ngành, địa phương, đơn vị phản ánh kịp thời về UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để xem xét, giải quyết. / *nm*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trương Thanh Tùng**